

Số: 131/KH-UBND

Quảng Nam, ngày 08 tháng 01 năm 2024

KẾ HOẠCH

Thực hiện Nghị quyết số 48/NQ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ phê duyệt Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050

Thực hiện Nghị quyết số 48/NQ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ phê duyệt Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 48/NQ-CP); Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Tổ chức quán triệt sâu rộng, cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu, xác định nhiệm vụ, giải pháp và phân công nhiệm vụ cho các Sở, Ban, ngành, địa phương triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 48/NQ-CP phù hợp với đặc điểm, tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Yêu cầu

Các Sở, Ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao, tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đã nêu trong Nghị quyết số 48/NQ-CP và Kế hoạch của UBND tỉnh; xác định tài nguyên, môi trường biển và hải đảo là nguồn lực quan trọng để phát triển kinh tế của tỉnh và phải được khai thác, sử dụng hiệu quả, bền vững; phát triển kinh tế biển cùng với bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng, phát triển kinh tế biển xanh; khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển là quyền lợi, trách nhiệm của mọi tổ chức, cá nhân tham gia các hoạt động khu vực ven biển, trên biển gắn liền với bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng biên giới biển của tỉnh.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát đến năm 2030

Tài nguyên biển và hải đảo trên địa bàn tỉnh được khai thác hợp lý, sử dụng hiệu quả, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm quốc phòng an ninh, đối ngoại và hợp tác quốc tế; ngăn ngừa, kiểm soát, giảm thiểu đáng kể ô nhiễm môi trường biển, hải đảo; bảo vệ, duy trì và phục hồi đa dạng sinh học biển, ven biển và hải đảo; bảo tồn và phát huy di sản văn hóa biển; hạn chế thấp nhất có thể tác động của thiên tai và chủ động ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

a) Tài nguyên biển và hải đảo của tỉnh được khai thác hợp lý, sử dụng hiệu quả để phát triển nhanh và bền vững các ngành kinh tế biển và khu vực ven biển, nhất là các lĩnh vực kinh tế biển chủ lực theo thứ tự ưu tiên: (1) Công nghiệp ven biển; (2) Nuôi trồng và khai thác hải sản; (3) Kinh tế hàng hải (4) Du lịch và dịch vụ biển; (5) Khai thác, chế biến dầu khí và các tài nguyên khoáng sản biển khác; (6) Năng lượng tái tạo và các ngành kinh tế biển mới; nâng cao đời sống và sinh kế cộng đồng.

b) Ô nhiễm môi trường biển được kiểm soát, ngăn ngừa và giảm thiểu; các nguồn gây ô nhiễm từ đất liền và trên biển, các vấn đề về ô nhiễm môi trường biển, sự cố môi trường biển, ô nhiễm rác thải nhựa đại dương được quan trắc, kiểm soát và quản lý hiệu quả.

Phấn đấu đến năm 2030:

- 100% tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại các đô thị, rác thải nhựa tại các bãi biển, khu du lịch biển và khu bảo tồn biển và 85% tổng lượng chất thải nguy hại được thu gom, vận chuyển và xử lý đảm bảo theo quy định.

- 95% lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại các điểm dân cư nông thôn vùng biển, đảo được thu gom và xử lý đạt quy chuẩn môi trường.

- 100% khu kinh tế, khu công nghiệp và khu đô thị ven biển được quy hoạch, xây dựng theo hướng bền vững, sinh thái, thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, có hệ thống xử lý nước thải tập trung, đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy định về môi trường và sức tải môi trường biển, khả năng phục hồi, chống chịu của hệ sinh thái biển;

- 100% các khu bảo tồn biển, khu vực bảo vệ nguồn lợi thủy sản, khu vực cấm khai thác thủy sản có thời hạn được xác định và có biện pháp quản lý hiệu quả.

c) Ứng phó hiệu quả với thiên tai, biến đổi khí hậu và nước biển dâng dựa vào sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo cùng với tăng cường năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai, biến đổi khí hậu và tác động của nước biển dâng.

d) Điều tra cơ bản biển và hải đảo đáp ứng yêu cầu của hoạt động khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học biển; phòng, chống thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu và nước biển dâng góp phần phát triển bền vững kinh tế biển.

3. Tầm nhìn đến năm 2050

Tài nguyên biển và hải đảo của tỉnh được khai thác hợp lý, sử dụng hiệu quả, đa dạng sinh học biển được bảo tồn, môi trường biển trong lành, hài hoà với thiên nhiên.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CỤ THỂ

1. Công tác quán triệt, tuyên truyền, phổ biến thông tin và triển khai thực hiện Nghị quyết

- Tập trung quán triệt các nội dung của Nghị quyết số 48/NQ-CP và Kế hoạch của UBND tỉnh, tạo sự thống nhất cao trong nhận thức và hành động ở tất cả các cấp, các ngành về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của chiến lược biển.

- Tổ chức tuyên truyền sâu rộng Nghị quyết số 48/NQ-CP với nhiều hình thức, phương thức truyền thông đa dạng, phong phú, hấp dẫn và phù hợp với từng đối tượng, tạo nhận thức sâu sắc về cơ hội, thuận lợi, thách thức, cũng như tiềm năng, lợi thế của biển để tạo đột phá phát triển bền vững.

2. Khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên biển và hải đảo

a) Phân vùng sử dụng không gian biển

- Đảm bảo hài hòa lợi ích của Nhà nước, doanh nghiệp, cộng đồng dân cư và sinh kế của người dân khu vực ven biển, bảo đảm môi trường biển, các hệ sinh thái biển, ven biển được bảo vệ hiệu quả, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

- Thực hiện các mục tiêu bảo đảm quốc phòng, an ninh; khai thác, sử dụng tài nguyên biển; bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, hệ sinh thái và nguồn lợi thủy sản.

- Ưu tiên bố trí không gian biển cho các hoạt động sau:

- + Quy hoạch và thực hiện các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp theo hướng ưu tiên thu hút các dự án sử dụng công nghệ sạch, thân thiện môi trường, hạn chế các dự án sản xuất gia công; khuyến khích các dự án ứng dụng thiết bị và công nghệ hiện đại, tạo ra sản phẩm có giá trị gia tăng cao và xuất khẩu; thay đổi định hướng bố trí các ngành phù hợp với việc phân bố dân cư, sử dụng lao động. Khuyến khích đầu tư theo mô hình khu công nghiệp sinh thái, phát triển công nghiệp bền vững gắn với bảo vệ môi trường.

- + Phát triển ngành thủy sản toàn diện trên các lĩnh vực nuôi trồng, khai thác, chế biến và dịch vụ hậu cần thủy sản theo hướng hiệu quả, hiện đại, bền vững, bảo vệ môi trường sinh thái, phù hợp với yêu cầu hội nhập quốc tế, góp phần bảo vệ quốc phòng, an ninh trên biển. Phấn đấu đến năm 2030, diện tích nuôi biển đạt 540 ha; thể tích lồng nuôi 400.000 m³; sản lượng nuôi biển đạt 7.050 tấn.

- + Khai thác tốt các tuyến vận tải đường thủy, đẩy mạnh phát triển hệ thống cảng, dịch vụ vận tải biển, từng bước hình thành các chuỗi cung ứng vận tải biển, tổng kho phân phối, hoàn thiện hạ tầng Logistics kết nối liên thông với các cảng biển lớn của khu vực. Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng các bến cảng biển và hoàn thành công trình nạo vét luồng vào cảng Kỳ Hà (giai đoạn 2), tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển dịch vụ vận tải và logistics; phát triển các cảng biển tỉnh Quảng Nam theo đúng Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 22/9/2021; tăng cường kết nối và nâng cao khối lượng hàng hóa vận chuyển quốc tế thông qua việc hợp tác với các hãng tàu lớn trên thế giới và mở thêm các tuyến hàng hải trực tiếp từ Chu Lai đến các cảng lớn ở Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ...

+ Phát triển nhanh, đa dạng các lĩnh vực thương mại, dịch vụ, du lịch ven biển. Chú trọng phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, trải nghiệm cộng đồng. Đẩy mạnh hoạt động kết nối du lịch giữa các địa phương ven biển nhằm phát huy tối đa công năng của các khu du lịch, nghỉ dưỡng ven biển, tạo bước đột phá phát triển du lịch của vùng.

+ Nghiên cứu, khảo sát phát triển năng lượng tái tạo và các ngành kinh tế biển mới thân thiện môi trường;

b) Ưu tiên nguồn lực để đẩy mạnh các hoạt động, mô hình khai thác, sử dụng tài nguyên hiệu quả, thân thiện môi trường, các dự án đáp ứng tiêu chí kinh tế tuần hoàn, phù hợp với trữ lượng tài nguyên và sức chứa sinh thái; hạn chế các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên bằng các công nghệ lạc hậu, hiệu quả thấp, gây tổn hại đến tài nguyên, ô nhiễm môi trường, suy giảm đa dạng sinh học.

c) Tạo bước chuyển biến căn bản trong công tác quản lý tổng hợp tài nguyên biển, tài nguyên vùng bờ thông qua áp dụng các công cụ quy hoạch, kế hoạch, chương trình quản lý tổng hợp, đến năm 2030 cơ bản khắc phục được các mâu thuẫn, chông chéo trong khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

d) Tăng cường áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định quốc tế về phát triển bền vững của các ngành kinh tế biển, thực thi có hiệu quả các công ước, điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, ngăn chặn hiệu quả khai thác thủy sản bất hợp pháp, không khai báo, không theo quy định.

đ) Thúc đẩy hoạt động đồng quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, chia sẻ trách nhiệm và quyền hưởng lợi trong khai thác, sử dụng tài nguyên biển và hải đảo; đào tạo, hỗ trợ chuyển đổi nghề, đa dạng hóa sinh kế cho cộng đồng.

3. Bảo vệ môi trường biển và hải đảo

a) Tăng cường năng lực và chủ động kiểm soát, giám sát, xử lý các vấn đề môi trường biển của tỉnh, bao gồm ô nhiễm môi trường biển và các vấn đề liên quan khác.

b) Thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 1772/KH-UBND ngày 02/7/2020 ban hành Kế hoạch hành động của tỉnh về quản lý rác thải nhựa đại dương đến năm 2030.

c) Hoàn thành việc cấm mốc giới và quản lý chặt chẽ bờ biển và hành lang bảo vệ bờ biển theo đúng Luật Tài nguyên, Môi trường biển và hải đảo và các Luật khác có liên quan.

d) Tăng cường năng lực hệ thống quan trắc, giám sát tổng hợp tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

đ) Tăng cường hiệu quả công tác phối hợp, thanh tra, kiểm tra, giám sát trong kiểm soát và xử lý các hành vi gây ô nhiễm môi trường biển và hải đảo.

4. Bảo tồn đa dạng sinh học và nguồn lợi biển

a) Tăng cường công tác bảo tồn đa dạng sinh học tại Khu bảo tồn biển Cù Lao Chàm và các khu vực khác như: xã đảo Tam Hải (Núi Thành),.... Bảo tồn và

phát triển các hệ sinh thái, các giá trị đa dạng sinh học; dự kiến đến năm 2030, diện tích bảo tồn đa dạng sinh học khoảng trên 23.500 ha.

b) Đẩy mạnh điều tra, đánh giá và xác định mức độ dễ bị tổn thương, tính nguy cấp của các loài sinh vật biển đặc hữu, có giá trị khoa học và kinh tế để đưa ra các phương án, giải pháp bảo vệ, bảo tồn và phục hồi.

c) Thiết lập, mở rộng và tăng cường năng lực quản lý các khu vực tập trung sinh sản, khu vực thủy sản còn non sinh sống và đường di cư của các loài thủy sản.

d) Kiểm soát chặt chẽ hoạt động khai thác các loài sinh vật biển hoang dã thuộc danh mục cần được bảo tồn.

đ) Ngăn ngừa, kiểm soát chặt chẽ và phòng trừ có hiệu quả các loài sinh vật ngoại lai xâm hại.

5. Ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng

a) Tiếp tục thực hiện Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu; Kế hoạch thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

b) Tăng cường công tác truyền thông, phổ biến, cập nhật thông tin về biến đổi khí hậu, các hoạt động giảm thiểu phát thải khí nhà kính theo Kế hoạch thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

c) Triển khai thực hiện Kế hoạch số 8866/KH-UBND ngày 19/12/2023 của UBND tỉnh thực hiện Đề án "Hiện đại hóa ngành Khí tượng Thủy văn đến năm 2025 và thời kỳ 2026-2030" trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

d) Đầu tư xây dựng sửa chữa, nâng cấp đảm bảo an toàn các hồ chứa thủy lợi, hệ thống kè chống sạt lở bờ biển, công trình phòng chống thiên tai ở các địa phương có nguy cơ tổn thương cao do tác động của biến đổi khí hậu. Đồng thời, đầu tư một số hồ chứa thủy lợi lớn, nhằm tích lũy và sử dụng nước tiết kiệm phục vụ sản xuất nông nghiệp trong mùa khô, hạn.

6. Điều tra cơ bản biển và hải đảo

a) Phối hợp với các Bộ, ngành của Trung ương tiếp tục rà soát, xây dựng và triển khai thực hiện hiệu quả các đề án, dự án, nhiệm vụ thuộc Chương trình trọng điểm điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển phục vụ trực tiếp cho hoạt động phát triển bền vững kinh tế biển theo Nghị quyết 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Hội nghị Trung ương 8 khóa XII về chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

b) Lập hồ sơ tài nguyên hải đảo, nhằm mục tiêu khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường và góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh trên biển, hải đảo trên địa bàn tỉnh.

7. Khoa học, công nghệ và hợp tác quốc tế

a) Tăng cường các chương trình hợp tác, thiết lập các mối quan hệ với cơ quan, đơn vị ở Trung ương và khu vực, nhằm thu hút nguồn lực trên lĩnh vực đào tạo, quản lý, nghiên cứu khoa học, ứng dụng, đổi mới công nghệ.

b) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị, tổ chức khoa học trong và ngoài nước để tiến hành điều tra, đánh giá về tài nguyên, hệ sinh thái biển và ven biển của tỉnh.

c) Tiếp tục đổi mới chương trình đào tạo theo hướng gắn với thực tế công nghệ sản xuất của doanh nghiệp, huy động doanh nghiệp tham gia xây dựng chương trình đào tạo.

d) Triển khai các hoạt động nghiên cứu KH&CN phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nói chung, kinh tế biển nói riêng của tỉnh. Phát triển đồng bộ các lĩnh vực khoa học và công nghệ, chú trọng nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật và công nghệ tiên tiến phục vụ trực tiếp cho sản xuất và đời sống, có địa chỉ ứng dụng cụ thể.

đ) Khuyến khích các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh ứng dụng khoa học, máy móc thiết bị hiện đại trong sản xuất, nhằm gia tăng sản xuất, giảm phát thải khí nhà kính và ô nhiễm môi trường.

8. Đẩy mạnh giáo dục, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực biển

Xây dựng các chương trình đào tạo nghề và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu thị trường để phục vụ cho các ngành kinh tế vùng ven biển và chuyển đổi nghề nghiệp của người dân các xã ven biển.

9. Hoàn thiện cơ chế tài chính phục vụ khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên biển và hải đảo

a) Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư; đẩy mạnh xã hội hóa các nguồn vốn đầu tư trong việc quản lý, điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học, khai thác, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo.

b) Nghiên cứu, xây dựng cơ chế tăng nguồn thu cho ngân sách tỉnh từ khai thác, sử dụng tài nguyên và môi trường biển.

10. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về biển, về khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo

a) Tập trung tuyên truyền, nâng cao ý thức của người dân về biển, về sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển thông qua các chương trình, hoạt động thường xuyên tập trung vào các chiến dịch tuyên truyền cao điểm: Ngày Môi trường thế giới (05/6), Ngày Đại dương thế giới (08/6), Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam (01 - 08/6) hằng năm.

b) Đẩy mạnh giáo dục pháp luật nhằm nâng cao hiểu biết, từ đó hình thành ý thức bảo vệ môi trường, trồng, phục hồi và bảo vệ rừng ngập mặn, ý thức chấp hành pháp luật về biển trong xã hội. Tuyên truyền, phổ biến kiến thức cho cộng đồng dân cư ven biển về biến đổi khí hậu và kỹ năng thích nghi để sống chung với biến đổi khí hậu. Vận động ngư dân không sử dụng các biện pháp có tính hủy diệt, thiếu bền vững trong khai thác hải sản, không khai thác

hải sản trong các vùng cấm, không đánh bắt các loài thủy sinh thuộc danh mục cấm khai thác và có trách nhiệm bảo vệ các loài thủy sinh thuộc danh mục ưu tiên bảo vệ.

c) Phát huy vai trò của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp trong tuyên truyền, giáo dục ý thức về khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển.

d) Các phương tiện thông tin đại chúng và truyền thông của tỉnh có chuyên mục tuyên truyền về tài nguyên thiên nhiên, môi trường và trách nhiệm của người dân trong việc bảo vệ, khai thác, sử dụng bền vững các nguồn tài nguyên, giữ gìn chất lượng môi trường biển; phổ biến kiến thức về phòng ngừa, ứng phó, kiểm soát, khắc phục hậu quả thiên tai, sự cố môi trường biển; nâng cao nhận thức về hợp tác, hội nhập, bảo vệ chủ quyền, tài nguyên, môi trường biển, đảo.

đ) Đưa nội dung giáo dục về tài nguyên, môi trường, chủ quyền biển, đảo vào chương trình giảng dạy ở các cấp học phổ thông, trung học cơ sở, nhằm cung cấp thông tin, kiến thức cơ bản về biển, đảo tài nguyên và môi trường biển, về sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển.

11. Xây dựng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển

- Đầu tư hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin tài nguyên, môi trường biển và hải đảo trên nền tảng công nghệ tiên tiến, hiện đại, đảm bảo việc ứng dụng, cập nhật, khai thác, chia sẻ kết nối với hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia.

- Triển khai việc tích hợp và số hoá cơ sở dữ liệu nguyên, môi trường biển và hải đảo của các Sở, ngành, địa phương với cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh.

- Thường xuyên cập nhật, kết nối, khai thác, chia sẻ với hệ thống cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo quốc gia.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố có biển và các cơ quan, tổ chức có liên quan phổ biến, triển khai thực hiện các mục tiêu, nội dung của Kế hoạch này. Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cộng đồng về khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển; khai thác, sử dụng tiết kiệm, hợp lý nguồn tài nguyên biển, phù hợp với quy hoạch, giảm thiểu rác thải nhựa đại dương, bảo vệ hệ sinh thái biển và đa dạng sinh học.

- Tổ chức thực hiện các hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển phù hợp điều kiện thực tế của tỉnh. Quan trắc, giám sát, theo dõi ô nhiễm môi trường biển; điều tra, thống kê, phân loại, đánh giá các nguồn thải ra biển.

- Tham mưu tổ chức thực hiện Chương trình quản lý tổng hợp vùng bờ trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương có liên quan xây dựng, triển khai các chương trình, đề án, giải pháp thúc đẩy hoạt động thủy sản; nuôi trồng thủy sản trên biển, khai thác thủy sản bền vững; các công nghệ chế biến sâu sản phẩm thủy sản; bảo tồn biển, phục hồi, bảo vệ và phát triển bền vững nguồn lợi thủy sản, hệ sinh thái biển, ven biển để đóng góp vào phát triển kinh tế biển, ven biển.

- Theo dõi và quản lý các hoạt động khai thác hải sản xa bờ, nuôi trồng hải sản tại khu vực ven biển, khoanh vùng, bảo vệ các khu vực bãi giống, bãi đẻ, bảo vệ diện tích rừng ngập mặn.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan xác định các chương trình, nhiệm vụ sử dụng vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước để kịp thời bố trí nguồn lực thực hiện các chương trình, dự án, nhiệm vụ trong Kế hoạch.

4. Sở Tài chính

Căn cứ tình hình thực tế và khả năng cân đối của ngân sách tỉnh; phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí chi thường xuyên để thực hiện Kế hoạch theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

5. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh

- Thực hiện nhiệm vụ bảo vệ quốc phòng, an ninh trên biển, giữ vững độc lập, chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và lợi ích quốc gia trên biển. Tham gia phòng, chống thiên tai, cứu hộ cứu nạn trên biển, làm chỗ dựa vững chắc cho ngư dân và các thành phần kinh tế sản xuất, khai thác, sử dụng tài nguyên biển bền vững.

- Phối hợp với các Sở, Ban, ngành và chính quyền các địa phương tổ chức tuyên truyền sâu rộng Nghị quyết 48/NQ-CP của Chính phủ; tuyên truyền nâng cao nhận thức về biển, khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo.

- Phối hợp với các cơ quan có liên quan tham gia và bảo vệ an ninh, an toàn cho các hoạt động điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học và khai thác, sử dụng tài nguyên tại vùng biển của tỉnh.

6. Công an tỉnh

Thực hiện công tác phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh, xử lý các hành vi vi phạm trong khai thác, sử dụng tài nguyên, gây ô nhiễm, suy thoái môi trường, hệ sinh thái biển; đảm bảo an ninh quốc gia, an ninh trật tự trong quá trình xây dựng và triển khai các nhiệm vụ của Chiến lược; tham gia bảo vệ an ninh quốc phòng, chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và lợi ích quốc gia trên biển.

7. Sở Khoa học và Công nghệ

Xác định và tổ chức triển khai các nhiệm vụ, đề tài, dự án khoa học và công nghệ liên quan đến biển; chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất nuôi biển, khai thác, bảo quản sản phẩm nghề cá, ứng phó biến đổi khí hậu, phòng chống xói sạt lở bờ biển, xâm nhập mặn, nước biển dâng... nhằm phục vụ khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển.

8. Sở Công Thương, Ban Quản lý các Khu kinh tế và Khu công nghiệp

Tham mưu đề xuất thực hiện các dự án, nhiệm vụ về phát triển năng lượng mới, năng lượng tái tạo và sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả cho phát triển kinh tế biển; phát triển các ngành công nghiệp ven biển có trọng tâm, trọng điểm và thân thiện với môi trường.

9. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan tham mưu đề xuất UBND tỉnh xây dựng kế hoạch, chương trình phát triển du lịch xanh, bền vững và nhân rộng các mô hình du lịch xanh, du lịch cộng đồng trên biển và vùng ven biển.

- Tham mưu UBND tỉnh phối hợp các bộ, ngành Trung ương xây dựng: Đề án phát triển bền vững du lịch, dịch vụ biển và hải đảo Việt Nam đến năm 2030; điều tra tổng thể và lập hồ sơ các di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh, di tích văn hóa phi vật thể gắn với biển và hải đảo.

10. Sở Giao thông vận tải

Tham mưu UBND tỉnh thực hiện hoặc phối hợp với Bộ Giao thông vận tải thực hiện các nhiệm vụ về phát triển kết cấu hạ tầng giao thông vùng ven biển, cảng biển, vận tải biển; đẩy mạnh phát triển hệ thống cảng biển xanh, thiết lập các khu vực biển đặc biệt nhạy cảm theo thẩm quyền.

11. Sở Xây dựng

Chủ trì, phối hợp với các ngành, địa phương liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc quy hoạch phát triển các đô thị xanh ven biển, khu đô thị sinh thái ven biển, gắn với hình thành các trung tâm kinh tế biển mạnh; thực hiện tốt hoạt động đầu tư xây dựng, phát triển hạ tầng kỹ thuật thông minh cho các đô thị ven biển.

12. Sở Thông tin và Truyền thông

Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức, kiến thức của nhân dân về chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về biển và hải đảo, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của nước ta trên Biển Đông, về tiềm năng, lợi thế và sự nghiệp phát triển bền vững kinh tế biển của tỉnh.

13. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Quảng Nam

Xây dựng chuyên mục tuyên truyền về tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc bảo vệ, khai thác, sử dụng bền vững các nguồn tài nguyên, giữ gìn chất lượng môi trường biển; phổ biến

kiến thức về phòng ngừa, ứng phó, kiểm soát, khắc phục hậu quả thiên tai, sự cố môi trường biển; nâng cao nhận thức về hợp tác, hội nhập, bảo vệ chủ quyền, tài nguyên, môi trường biển.

14. Các Sở, Ban, ngành liên quan; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố ven biển

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của đơn vị triển khai các nội dung nêu tại Kế hoạch này theo ngành, lĩnh vực phụ trách góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết số 48/NQ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ và Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh; Tổ chức tuyên truyền rộng rãi Nghị quyết số 48/NQ-CP và Kế hoạch này đến các tổ chức chính trị xã hội và người dân; triển khai thực hiện Kế hoạch tại địa phương bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với việc thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức cho các tầng lớp Nhân dân về khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển.

- Chủ trì xây dựng, bố trí kinh phí và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch trong phạm vi quyền hạn của địa phương.

15. Công tác báo cáo, tổng kết, sơ kết

- Các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố ven biển và các cơ quan, đơn vị liên quan định kỳ báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch trước ngày **15 tháng 12** hàng năm về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) để tổng hợp, báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

- Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, định kỳ hàng năm báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường trước ngày 15 tháng 01 năm sau theo quy định.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Cục Biển và Hải đảo Việt Nam;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành của tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố: Hội An, Điện Bàn, Duy Xuyên, Thăng Bình, Tam Kỳ, Núi Thành;
- CPVP;
- Lưu: VT, TH, KTN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Hồ Quang Bửu

Phụ lục
NHIỆM VỤ, ĐỀ ÁN, DỰ ÁN THỰC HIỆN

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 131 /KH-UBND ngày 08 /01/2024 của UBND tỉnh Quảng Nam))

STT	Chương trình, đề án, dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp chính	Thời gian thực hiện
1	Hình thành và phát triển trung tâm công nghiệp chế biến sâu các sản phẩm từ silica.	Sở Công Thương	Các Sở, ngành, địa phương liên quan	2024-2030
2	Thí điểm cơ chế khuyến khích hợp tác liên kết sản xuất theo cụm ngành công nghiệp hỗ trợ và công nghiệp cơ khí tại Khu kinh tế mở Chu Lai.	Sở Công Thương	Các Sở, ngành, địa phương liên quan	2024-2030
3	Tuyên truyền quy định pháp luật, cơ chế chính sách về bảo vệ nguồn lợi thủy sản, bảo vệ môi trường sống của các loài thủy sản; khai thác hải sản; nuôi trồng thủy sản trên biển.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, ngành, địa phương liên quan	2024-2030
4	Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa vùng ven biển.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các Sở, ngành, địa phương liên quan	2025-2030
5	Cắm mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở, ngành liên quan; UBND các huyện thị xã, thành phố ven biển	2023-2024
6	Xây dựng, cập nhật hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu tài nguyên môi trường biển và hải đảo	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở, ngành liên quan; UBND các huyện thị xã, thành phố ven biển	2024-2030
7	Lập hồ sơ tài nguyên đảo và các hệ sinh thái vùng bờ tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở, ngành liên quan; UBND các huyện thị xã, thành phố ven biển	2024-2030
8	Xây dựng chương trình quản lý tổng hợp vùng bờ	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở, ngành liên quan; UBND các huyện thị xã, thành phố ven biển	2024-2030
9	Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về biển và đại dương	Các Sở: TN&MT; NN&PTNT; TT&TT;	Các Sở, ngành, địa phương liên quan	Hàng năm

STT	Chương trình, đề án, dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp chính	Thời gian thực hiện
		UBND huyện, thị xã, thành phố ven biển		
10	Triển khai Kế hoạch số 1772/KH-UBND ngày 02/7/2020 ban hành Kế hoạch hành động của tỉnh về quản lý rác thải nhựa đại dương đến năm 2030	Sở Tài nguyên và Môi trường UBND huyện, thị xã, thành phố ven biển	Các sở, ngành liên quan	Hàng năm